

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST
Ngày 12-5-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Bình.
2. Ông Nguyễn Văn Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 412/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2020 và Thông báo dời phiên tòa số 06/TB-TA ngày 10 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thùy L1, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 1, phường 5, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Huỳnh Sơn L2, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã Th, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn ngày 20/12/2019, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy L1 trình bày:

Chị và anh Nguyễn Huỳnh Sơn L2 bắt đầu sống chung từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 08/12/2017, hôn nhân do quen biết trước. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh L2 thường xuyên uống rượu về

mắng chửi và hành hung chị vô cớ. Chị đã cố gắng khuyên giải nhiều lần nhưng không được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L2.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoài Bảo N, sinh ngày 03/6/2013, hiện đang sống chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoài Bảo N, không yêu cầu anh L2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh Nguyễn Huỳnh Sơn L2 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh L2 không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được; đối với con chung hiện sống với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy L1 yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Huỳnh Sơn L2 và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Huỳnh Sơn L2 có nơi cư trú tại ấp B, xã Th, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Huỳnh Sơn L2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh L2.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thùy L1 và anh Nguyễn Huỳnh Sơn L2 chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Th cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 08/12/2017 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị L1 và anh L2 xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh L2 vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ anh L2 chẳng quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, giữa chị L1 và anh L2 không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị L1 và anh L2 đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị L1 và anh L2 có 01 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Hoài Bảo N. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...”*.

Do anh L2 vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với chị L1 về việc nuôi con chung. Theo biên bản xác minh ngày 10/02/2020 của Tòa án đối với chính quyền địa phương thì cháu N hiện đang sống chung với chị L1. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện cháu N còn nhỏ và đang sống chung với mẹ. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu nên cần thiết giao cháu N cho chị L1 được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này anh L2 có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Chị L1 không yêu cầu anh L2 cấp dưỡng nuôi con nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị L1, anh L2 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L1 là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thùy L1.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Thùy L1 được ly hôn với anh Nguyễn Huỳnh Sơn L2.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài Bảo N, sinh ngày 03/6/2013 cho chị Phạm Thị Thùy L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Huỳnh Sơn L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Huỳnh Sơn L2 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Thùy L1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016235 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị L1 đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Huỳnh Sơn L2 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Phạm Thị Thùy L1 được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh Nguyễn Huỳnh Sơn L2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú